

12 Tháng Tư 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn



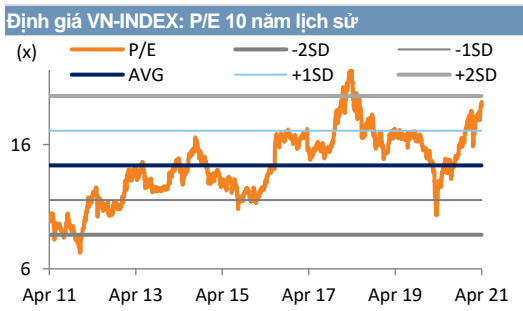
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,252.45	1.69	6.00	65.24
HNX	295.53	0.60	7.89	178.33
UPCOM	84.10	1.32	4.70	66.11
MSCI EM	1,330.36	-0.97	-1.32	49.79
NIKKEI	29,538.73	-0.77	-0.60	51.49
HANG SENG	28,453.28	-0.86	-1.00	17.09
KOSPI	3,135.59	0.12	2.66	68.52
FTSE	6,854.20	-0.89	1.37	17.31
S&P 500	4,128.80	0.77	4.70	48.00
NASDAQ	13,900.19	0.51	4.36	70.48

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	19.43	2.62	13.61
SET INDEX	38.60	1.68	4.35
JCI INDEX	22.81	1.52	5.20
PCOMP INDEX	24.99	1.61	7.08

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-100
5 năm	1.15	-3	8	-146
10 năm	2.41	1	5	-72

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,067	-0.02	-0.09	1.60
US\$/KRW	1,125	-0.35	0.78	8.25
US\$/JPY	109	0.21	-0.37	-1.53
US\$/EUR	0.84	0.19	0.63	-8.16
US\$/GBP	0.73	-0.25	1.32	-9.00
US\$/SGD	1.34	-0.01	0.24	5.50

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	609	604	351
HNX	120	114	46
UPCOM	42	48	22



Nhận định thị trường

Giao dịch thông suốt, VN-Index bùng nổ

Sau một tuần tương đối giằng co với những phiên tăng giảm đan xen, VN-Index mở đầu tuần mới với phiên giao dịch bùng nổ cả về đà tăng và thanh khoản. Bên cạnh đó, các lệnh mua bán trong ngày diễn ra gần như xuyên suốt từ đầu đến cuối, và hầu như không có tình trạng nghẽn, đã góp phần vào phiên tăng điểm tốt và cải thiện thanh khoản cho thị trường. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.252,4 điểm, tăng 20,7 điểm, tương ứng +1,7% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 21.517 tỷ đồng, HNX: 3.212 tỷ đồng, UPCOM: 1.255 tỷ đồng.

Phiên giao dịch tăng điểm mạnh với sự đóng góp đáng kể từ nhóm Blue-Chip. Đáng chú nhất, nhóm Vingroup (VIC: +5,7%, +2,9%) tiếp tục thể hiện vai trò đầu tàu của VN-Index. Ngoài ra, các cổ phiếu Bất động sản còn lại cũng có phiên tăng điểm ấn tượng như NVL (+5,9%), NLG (+3,9%). Bên cạnh đó, không thể không nhắc đến nhóm Blue-chip Ngân hàng như VCB, CTG, BID, STB, TCB với mức tăng từ 1,4% - 3,3% cũng đóng góp lớn cho đà tăng của VN-Index. Ngược lại, nhóm Dầu khí không thu hút được dòng tiền trong thời gian gần đây khi các cổ phiếu giao dịch chưa khởi sắc.

Khối ngoại mua bán khá cân bằng phiên hôm nay, với 2 mã được mua ròng mạnh nhất là VIC và VND.

Phiên giao dịch tăng điểm mạnh khiến các chỉ số kỹ thuật của VN-Index được cải thiện. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset hiện đang ở mức +5, thể hiện trạng thái KHẢ QUAN trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	7	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	5	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-1	TRUNG TÍNH
Kospi	4	KHẢ QUAN
Nikkei 225	0	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	4	KHẢ QUAN
Dow Jones	5	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

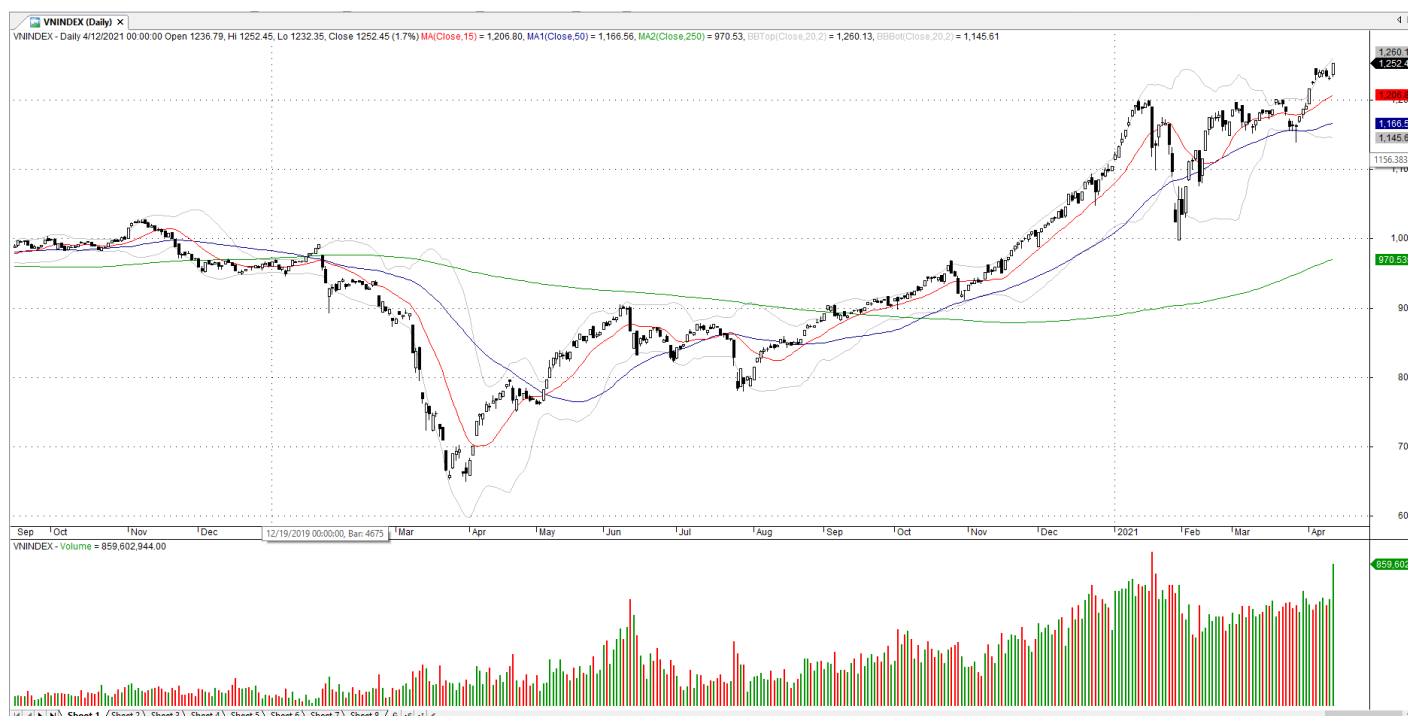
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	7	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	5	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (12/04/2021)	1.252,4	Kháng cự 1 1.300
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2 1.400
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.150
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.100

VN-Index có phiên giao dịch tăng điểm mạnh, các chỉ số kỹ thuật thể hiện xu hướng khả quan trong ngắn hạn.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

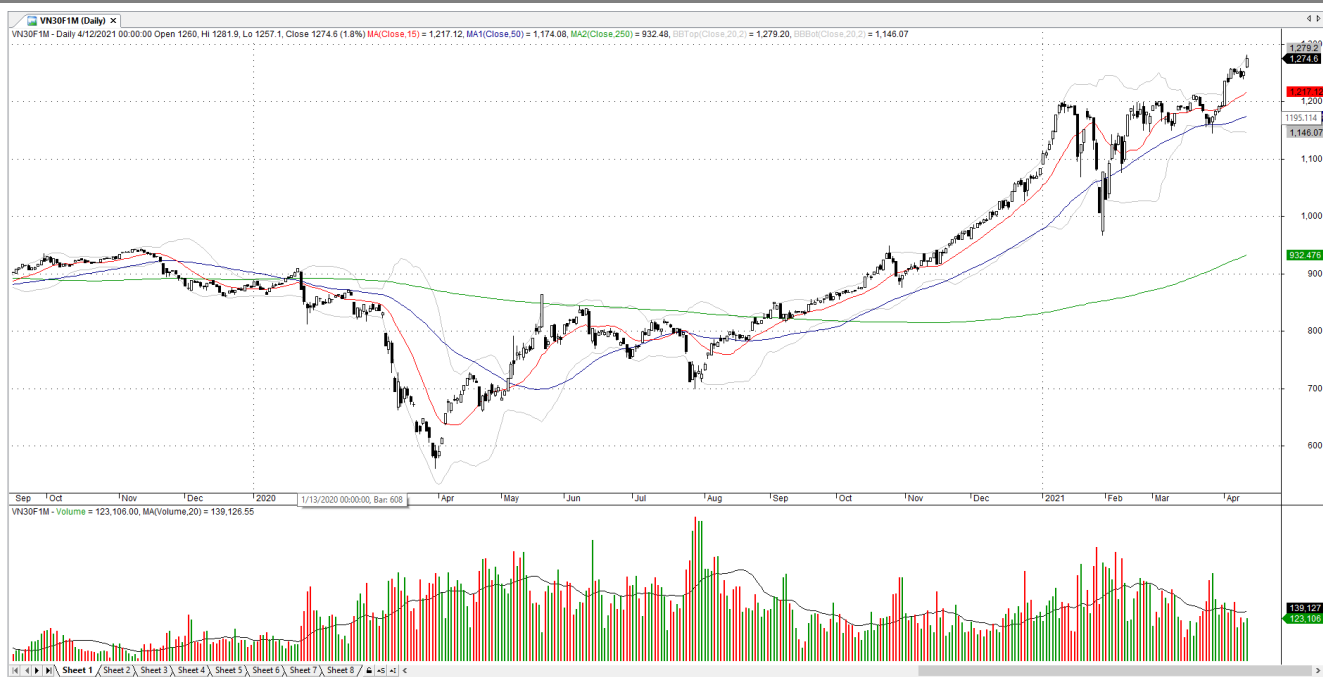
CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (08/04/2021)	1.274	Kháng cự 1	1.300
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2	1.400
VN30 – đóng cửa	1.278	Hỗ trợ 1	1.150
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-3,6	Hỗ trợ 2	1.100

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	+5	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	+7	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart ngày)	+7	KHẢ QUAN

Nhìn chung VN30F1M có phiên giao dịch theo xu hướng tăng điểm trong suốt phiên, các điểm số kỹ thuật cũng thể hiện mức khả quan cao nhất.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	17.5	3,633,135	4	KHẢ QUAN	44,463	16.2	1.8
ACB	35.15	8,172,000	7	KHẢ QUAN	42,296	15.8	1.5
AMD	5.24	7,541,135	5	KHẢ QUAN	169,640	12.6	2.9
ART	10.9	8,717,025	5	KHẢ QUAN	160,851	11.7	1.9
ASM	16.3	3,133,750	4	KHẢ QUAN	88,581	10.7	1.8
BID	44.75	3,622,830	-2	TRUNG TÍNH	8,733	54.6	0.9
BSR	17.5	14,786,900	4	KHẢ QUAN	147,732	12.0	2.0
BVH	62.4	1,029,505	5	KHẢ QUAN	23,574	17.4	2.2
CEO	13.3	6,138,785	0	TRUNG TÍNH	208,996	21.0	6.7
CII	25.4	3,369,605	7	KHẢ QUAN	6,715	8.9	2.1
CTD	70.7	751,030	7	KHẢ QUAN	446,481	78.2	5.4
CTG	43.2	14,788,905	7	KHẢ QUAN	75,979	9.9	2.1
CTR	88.8	507,095	-2	TRUNG TÍNH	54,259	#N/A N/A	1.7
DBC	58.1	2,195,890	7	KHẢ QUAN	8,001	11.2	2.0
DCM	18.15	3,492,910	-2	TRUNG TÍNH	11,280	18.1	0.9
DGC	69.4	664,935	7	KHẢ QUAN	33,372	14.1	1.2
DGW	118.7	315,425	4	KHẢ QUAN	13,616	16.7	2.0
DIG	30.85	3,973,460	7	KHẢ QUAN	94,445	24.0	3.7
DLG	3.7	11,843,125	7	KHẢ QUAN	13,472	8.9	1.9
DPM	20.4	2,266,445	2	TRUNG TÍNH	29,764	25.4	5.8
DRC	29	1,909,980	5	KHẢ QUAN	19,307	86.0	2.0
DXG	24.9	6,716,975	5	KHẢ QUAN	334,873	12.2	3.9
FCN	14.75	2,752,630	0	TRUNG TÍNH	3,947	12.0	2.3
FIT	11.95	4,312,135	7	KHẢ QUAN	120,283	11.5	2.3
FLC	12.3	39,542,472	7	KHẢ QUAN	20,257	10.9	1.4
FPT	82.1	2,197,405	4	KHẢ QUAN	9,698	10.1	1.9
FRT	31.9	2,343,815	4	KHẢ QUAN	80,213	33.7	2.7
GAS	87.9	719,210	7	KHẢ QUAN	3,434	5,743.8	0.6
GEX	28.25	8,281,480	0	TRUNG TÍNH	6,231	11.3	1.9
GMD	35.7	2,765,505	6	KHẢ QUAN	64,359	18.2	4.1
GVR	28.4	3,116,855	2	TRUNG TÍNH	366,808	19.9	3.9
HAG	6.23	8,694,295	2	TRUNG TÍNH	12,905	#N/A N/A	2.1
HAP	14.9	2,427,170	2	TRUNG TÍNH	179,985	25.7	2.4
HBC	19.2	6,093,270	-4	TIÊU CỰC	9,370	54.6	0.7
HCM	34.6	3,679,240	7	KHẢ QUAN	14,522	672.5	1.7
HDB	27.9	5,070,975	4	KHẢ QUAN	44,466	10.5	1.9
HDG	44.3	1,283,115	0	TRUNG TÍNH	11,790	39.1	3.3
HHS	8.08	6,138,585	7	KHẢ QUAN	30,073	8.3	1.8
HNG	13.1	12,190,355	2	TRUNG TÍNH	107,953	87.2	6.8
HPG	51.2	16,838,384	-6	TIÊU CỰC	6,087	4.2	1.4
HPX	35.6	1,030,640	7	KHẢ QUAN	10,554	19.9	2.4
HQC	4.06	19,056,204	6	KHẢ QUAN	10,699	14.8	2.3
HSG	30.3	7,295,065	4	KHẢ QUAN	4,433	59.5	1.3
HUT	7.4	7,262,925	7	KHẢ QUAN	7,445	6,142.4	1.7
HVN	32.8	1,653,905	2	TRUNG TÍNH	11,195	14.5	2.5
IDC	39.3	3,413,315	3	TRUNG TÍNH	4,274	14.6	1.3
IJC	28.7	6,520,425	7	KHẢ QUAN	7,413	42.1	0.7
ITA	7.9	12,935,110	0	TRUNG TÍNH	69,529	77.3	3.2
KBC	41.1	5,248,805	4	KHẢ QUAN	10,759	31.1	1.8
KDC	52.7	1,216,550	-2	TRUNG TÍNH	1,056	#N/A N/A	0.9
KDH	32.1	1,651,465	0	TRUNG TÍNH	113,600	30.1	2.4
KLF	5	13,148,185	7	KHẢ QUAN	2,172	181.4	0.7

KSB	31.2	1,645,330	0	TRUNG TÍNH	6,066	24.7	1.3
LCG	15.3	3,637,430	4	KHẢ QUAN	3,423	#N/A N/A	1.2
LDG	9.07	9,582,220	7	KHẢ QUAN	64,136	15.6	3.9
LPB	18.85	11,056,965	-2	TRUNG TÍNH	13,886	23.8	1.8
MBB	31.65	17,056,940	7	KHẢ QUAN	1,935	201.6	0.4
MBS	26.9	2,033,080	4	KHẢ QUAN	2,520	101.9	2.1
MSN	91.9	1,396,455	2	TRUNG TÍNH	69,042	997.9	4.6
MWG	134.9	597,295	5	KHẢ QUAN	827	375.6	0.5
NKG	24.85	4,207,435	2	TRUNG TÍNH	46,321	29.9	2.3
NLG	36.2	1,124,585	-4	TIÊU CỰC	12,055	53.4	2.1
NVB	18.3	6,121,095	2	TRUNG TÍNH	2,490	70.6	#N/A N/A
NVL	95.3	2,429,565	6	KHẢ QUAN	3,881	12.6	1.1
PAN	30.5	1,212,980	0	TRUNG TÍNH	9,609	17.8	1.5
PDR	68.3	3,176,330	-5	TIÊU CỰC	168,236	21.4	3.5
PET	23.4	2,530,755	2	TRUNG TÍNH	1,956	14.4	1.3
PLX	55.9	1,775,870	6	KHẢ QUAN	1,965	12.0	1.6
PNJ	91.8	452,335	6	KHẢ QUAN	5,793	8.7	1.2
POW	14.25	17,076,200	1	TRUNG TÍNH	6,834	7.2	2.3
PVD	22.25	7,241,185	0	TRUNG TÍNH	1,763	5.7	1.0
PVM	23.8	2,055,590	-2	TRUNG TÍNH	3,445	13.4	2.0
PVS	23.6	10,877,345	7	KHẢ QUAN	4,420	16.5	2.1
PVT	17.9	3,217,475	-2	TRUNG TÍNH	46,520	#N/A N/A	7.3
REE	53.6	652,285	7	KHẢ QUAN	5,778	#N/A N/A	0.9
ROS	6.05	32,632,044	7	KHẢ QUAN	1,988	#N/A N/A	0.7
S99	25.7	1,353,030	-7	TIÊU CỰC	5,252	17.0	0.6
SBT	22.5	3,509,310	7	KHẢ QUAN	17,938	15.7	2.2
SCR	9.67	4,752,510	7	KHẢ QUAN	3,044	54.0	1.0
SHB	25.4	36,293,976	-7	TIÊU CỰC	2,079	7.2	1.3
SHS	32.4	9,977,140	6	KHẢ QUAN	4,220	8.5	0.9
SSI	36.5	11,752,650	7	KHẢ QUAN	2,220	7.6	0.6
STB	23.45	38,192,824	-3	TRUNG TÍNH	920	18.5	2.0
TCB	42.15	10,796,000	-2	TRUNG TÍNH	7,983	11.6	1.0
TCH	25.9	7,986,500	0	TRUNG TÍNH	10,324	12.1	2.6
TNG	24.7	2,377,955	7	KHẢ QUAN	3,543	18.8	0.8
TPB	29.15	4,543,185	2	TRUNG TÍNH	58,798	12.7	3.3
TTF	8	7,961,830	-7	TIÊU CỰC	6,374	22.8	6.0
VCB	98.9	1,697,605	5	KHẢ QUAN	1,107	#N/A N/A	0.5
VCI	67.6	1,550,425	6	KHẢ QUAN	7,380	24.6	2.7
VHM	101.8	2,117,515	7	KHẢ QUAN	20,872	20.3	4.0
VIB	53	850,255	5	KHẢ QUAN	10,327	11.6	1.7
VIC	132	2,219,355	4	KHẢ QUAN	1,850	15.6	0.8
VIX	30.9	6,945,905	7	KHẢ QUAN	857	43.9	0.5
VJC	131.8	502,295	-2	TRUNG TÍNH	5,104	19.0	4.4
VND	37.3	6,920,640	7	KHẢ QUAN	6,371	33.9	1.7
VNM	100	3,395,685	-2	TRUNG TÍNH	9,416	109.6	2.9
VPB	49	4,337,205	-6	TIÊU CỰC	827	20.4	1.2
VPI	36.9	1,164,140	0	TRUNG TÍNH	16,565	10.2	1.4
VRE	35.3	5,668,115	-4	TIÊU CỰC	1,347	7.4	1.7

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Chủ tịch Fed: Khả năng cao không tăng lãi suất trong năm nay

Chủ tịch Fed Jerome Powell tái khẳng định cam kết giữ chính sách tiền tệ nới lỏng dù kinh tế Mỹ đang trên đà phục hồi nhanh chóng, bao gồm “gần như chắc chắn” không tăng lãi suất bởi lạm phát bị kìm hãm và hàng triệu người dân Mỹ vẫn cần hỗ trợ. “Tôi nghĩ khả năng cao chúng tôi sẽ tránh tăng lãi suất trong năm nay”, Powell trao đổi với phóng viên Scott Pelley trong chương trình “60 Minutes” phát sóng tối 11/4. “Tôi có thể đảm bảo Fed sẽ làm mọi thứ có thể để hỗ trợ nền kinh tế trong thời gian cần thiết để hoàn thành quá trình phục hồi”. Theo Powell, sự hỗ trợ đó bao gồm duy trì lãi suất cận 0 và chương trình mua trái phiếu 120 tỷ USD/tháng sau khi kinh tế Mỹ tăng trưởng mạnh từ đáy tháng 2 – 4/2020.

Sắp thí điểm mua bán điện mặt trời, gió không qua EVN

Bộ Công Thương đang lấy ý kiến về dự thảo Thông tư quy định thí điểm mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện từ năng lượng tái tạo với khách hàng sử dụng điện (cơ chế DPPA). Theo đó, khách hàng dùng điện cho sản xuất công nghiệp (cấp điện áp từ 22 kV trở lên) có thể đàm phán, thỏa thuận mua điện trực tiếp từ các nhà máy điện mặt trời, điện gió thông qua hợp đồng kỳ hạn. Giao dịch mua bán điện sẽ được thực hiện qua thị trường điện giao ngay, vận hành theo quy định thị trường bán buôn điện cạnh tranh của Bộ Công Thương. Cục Điều tiết Điện lực (Bộ Công Thương) cho biết, khách hàng dùng điện tham gia thí điểm phải có hồ sơ đăng ký đáp ứng các tiêu chí, như cam kết sử dụng năng lượng tái tạo; tỷ lệ sản lượng điện hợp đồng mua trong 3 năm đầu tham gia thí điểm từ 80% trở lên.

LIG: đặt kế hoạch lợi nhuận 64 tỷ đồng, gấp 6 lần năm 2020

Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên, Licogi 13 (HNX: LIG) đề ra kế hoạch doanh thu hợp nhất năm nay 2.250 tỷ đồng, giảm 4% so với năm 2020. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế công ty mẹ 64 tỷ đồng, gấp hơn 6 lần năm trước. Năm ngoái, công ty chỉ đạt lợi nhuận sau thuế hợp nhất 11 tỷ đồng, giảm phân nửa so với năm 2019 và thực hiện 19% kế hoạch. Nguyên nhân do việc tiêu thụ sản phẩm bất động sản tại khu du lịch cao cấp Trà Cổ chưa đạt kế hoạch bởi dịch Covid-19, thủ tục chuyển nhượng nhà máy điện mặt trời tại Quảng Trị kéo dài, chi phí hoạt động cao... Với kết quả đó, HĐQT đề xuất không chia cổ tức năm 2020. Cổ tức dự kiến cho năm 2021 tối thiểu 5%. HĐQT trình phương án phát hành cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Tổng khối lượng phát hành là 25,7 triệu cổ phiếu, qua đó tăng vốn điều lệ dự kiến lên 906 tỷ đồng.

LAS: đặt kế hoạch lợi nhuận 36 tỷ, quý I đạt trên 30 tỷ đồng

Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên, Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (HNX: LAS) đặt kế hoạch doanh thu năm 2021 là 2.825 tỷ đồng, tăng 18% so với năm trước đó. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế 36 tỷ đồng, tăng gần 31%. Công tác đầu tư cơ bản dự chi tổng cộng 22 tỷ đồng. Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng tháp hấp thụ cuối dây chuyền Axit 2, đầu tư hệ thống quan trắc khí thải tự động, cải tạo hệ thống điều khiển trung tâm, cải tạo dây chuyền sản xuất Supe lân giàu. Năm ngoái hoạt động kinh doanh của LAS gặp nhiều khó khăn từ dịch Covid-19, ngập lụt tại miền Trung, diện tích đất canh tác bị thu hẹp... Doanh thu chỉ đạt 2.384 tỷ đồng, thực hiện 76% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế là 27,5 tỷ đồng, thực hiện 49% kế hoạch năm. Với kết quả đó, HĐQT trình việc không chia cổ tức cho năm 2020. Đối với cổ tức năm 2021, HĐQT sẽ xem xét mức tạm ứng cổ tức và chi trả phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021. Theo ước tính kết quả kinh doanh quý I, LAS ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 790 tỷ đồng, tăng 47% so với cùng kỳ. Lợi nhuận dự kiến đạt trên 30 tỷ đồng, gấp 6 lần cùng kỳ và thực hiện khoảng 83% kế hoạch năm.

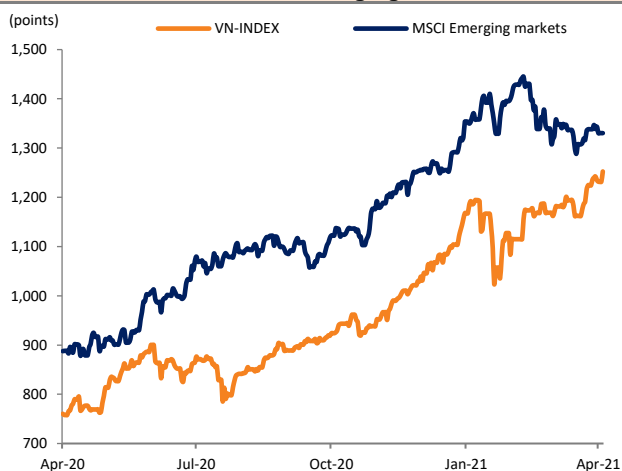
VHC: đặt kế hoạch đi lùi, lợi nhuận dự kiến vào mức 700 tỷ đồng

Vĩnh Hoàn (HoSE: VHC) vừa công bố tài liệu ĐHCĐ thường niên năm 2021, dự trình kế hoạch doanh thu hợp nhất 8.600 tỷ đồng, tăng 22% và lợi nhuận sau thuế 700 tỷ đồng, giảm 3% so với thực hiện năm ngoái. Mức trả cổ tức dự kiến 10 - 20%, tương ứng 1.000 - 2.000 đồng/cp. Về kế hoạch đầu tư, Vĩnh Hoàn dự chi 1.300 tỷ đồng, trong đó 700 tỷ đồng xây dựng nhà máy thức ăn chăn nuôi, trại giống Vĩnh Hoàn và sở hữu đất cho khu liên hợp nông nghiệp thủy sản công nghệ cao. Bên cạnh đó, công ty cũng chi 200 tỷ đồng để cải tạo nhà máy tại Thanh Bình và Thực phẩm Vĩnh Phước, số tiền 400 tỷ đồng còn lại cho các khoản đầu tư khác. Vĩnh Hoàn (VHC) đặt kế hoạch đi lùi, lợi nhuận dự kiến vào mức 700 tỷ đồng - Ảnh 1. Công ty vừa công bố bản tin tài chính tháng 2 với doanh thu vào mức 436 tỷ đồng, giảm 31% so với tháng 1. Ghi nhận hầu hết các mảng kinh doanh đều giảm mạnh so với tháng đầu năm. Trong đó, mảng cá tra giảm mạnh 31% xuống còn 302 tỷ, phụ phẩm giảm 20%... đặc biệt, trái ngược với đà tăng mạnh mẽ những kỳ gần đây, mảng thực phẩm bổ sung (wellness) giảm đến 51% so với tháng 1.

POW: ước lãi 720 tỷ đồng quý I, tăng 43% cùng kỳ

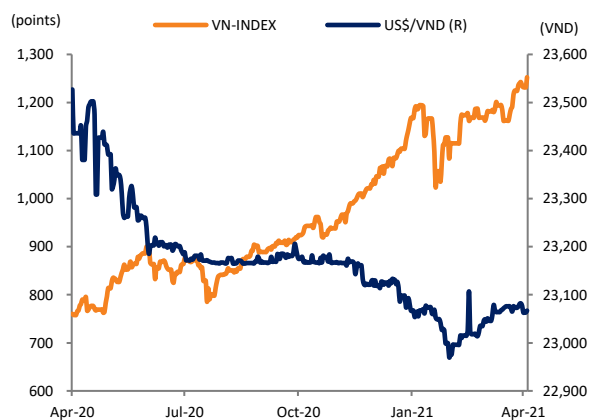
Tổng công ty điện lực dầu khí Việt Nam (PV Power - HoSE: POW) ước kết quả kinh doanh quý I với doanh thu 7.783 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 720 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, doanh thu giảm 2% còn lợi nhuận tăng 43%. Công ty cho biết doanh thu giảm vì giảm sản lượng các nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



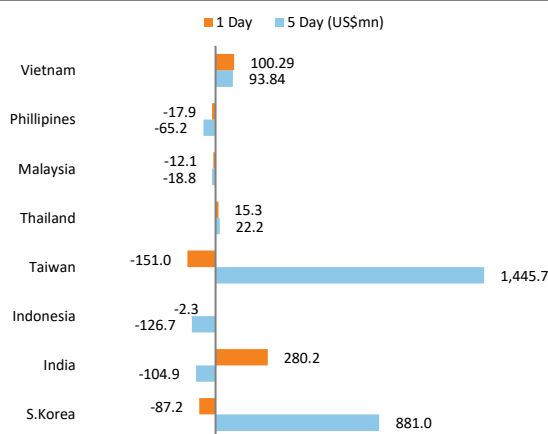
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



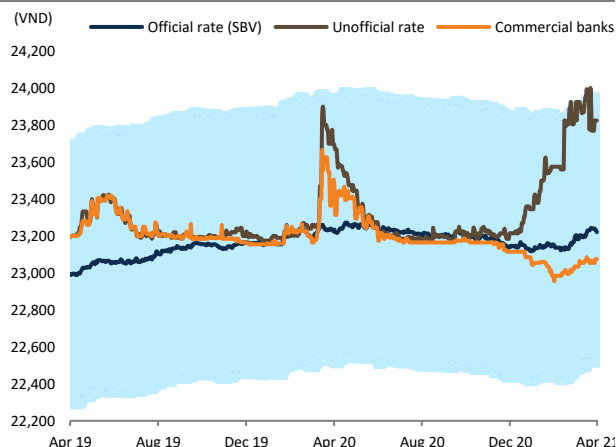
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



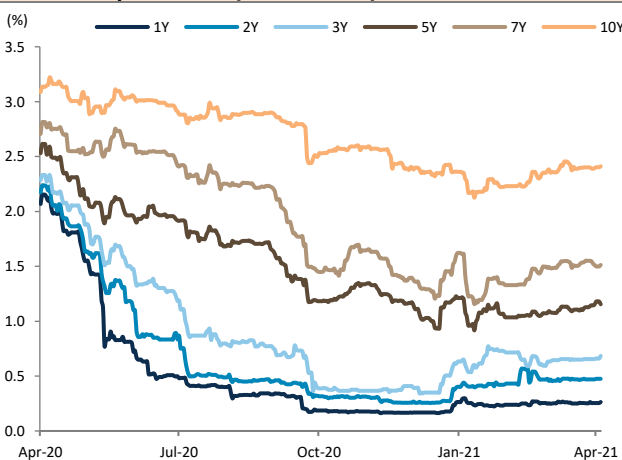
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



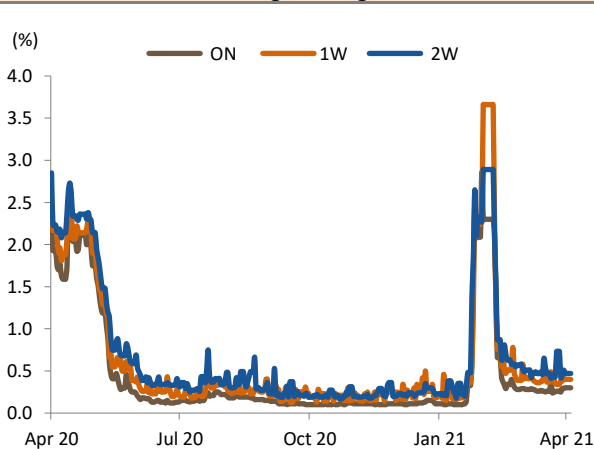
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,278.19	3,206,508		2.0	2.3	7.6	83.7	13.7	11.4	2.4	2.0	19.8	20.2	19.3	19.3
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	44,750	179,985	17.0	1.0	-1.8	3.2	21.3	18.2	12.8	2.0	1.7	70.1	41.8	11.9	15.4
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	62,400	46,321	27.4	0.0	2.8	3.1	35.7	28.5	22.8	2.2	2.0	5.5	25.0	8.2	9.5
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	43,200	160,851	26.5	1.6	2.9	13.8	122.1	9.3	8.4	1.6	1.4	26.2	10.9	18.5	18.0
CTCP FPT	FPT VN	82,100	64,359	49.0	0.0	3.1	7.3	103.5	16.4	13.9	3.5	3.1	21.6	18.1	24.4	25.8
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	87,900	168,236	2.8	-1.0	-1.7	-3.5	31.0	16.4	15.8	3.2	3.0	32.7	4.2	19.7	19.8
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	27,900	44,466	16.8	-0.4	0.9	4.7	130.2	8.1	6.8	1.7	1.4	29.3	18.9	20.1	21.3
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	51,200	169,640	30.4	3.3	3.9	10.2	226.8	9.4	8.6	2.2	1.8	42.2	9.1	26.0	23.6
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	32,100	17,938	33.6	0.8	4.6	3.0	69.4	14.7	11.1	2.0	1.8	6.2	31.8	15.2	17.6
NHTMCP Quân đội	MBB VN	31,650	88,581	22.9	1.0	4.1	12.0	136.2	8.6	7.2	1.6	1.3	24.1	19.7	19.8	20.1
Tập đoàn Masan	MSN VN	91,900	107,953	32.4	-0.2	-1.2	5.3	52.7	38.2	24.0	5.4	4.4	128.5	59.3	13.8	19.4
CTCP Thế giới di động	MWG VN	134,900	64,136	49.0	1.2	0.6	2.9	88.1	12.8	10.2	3.2	2.7	21.6	25.3	27.6	27.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	95,300	94,445	6.5	5.9	11.5	15.9	85.4	23.9	18.5	3.1	2.6	0.5	29.2	13.5	15.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	68,300	29,764	2.5	-0.4	0.4	11.8	261.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	55,900	69,529	16.3	0.0	0.0	0.5	37.2	19.2	17.1	3.0	2.9	323.9	12.6	16.5	17.2
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	91,800	20,872	49.0	1.7	3.4	9.8	59.4	16.8	13.2	3.6	2.9	26.6	27.4	22.6	24.1
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	14,250	33,372	3.8	3.3	4.4	3.6	67.1	15.6	13.9	1.1	1.1	-8.7	12.4	7.6	7.8
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	53,600	16,565	49.0	0.2	0.0	-3.4	76.6	9.3	7.9	1.3	1.5	9.8	17.8	14.6	13.0
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	22,500	13,886	8.1	-0.9	-0.9	-5.5	66.7	19.3	NA	1.7	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	36,500	23,574	45.7	3.5	4.3	9.0	174.4	16.3	15.2	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	23,450	42,296	9.9	3.3	1.3	22.1	160.3	16.2	9.7	1.4	1.2	16.3	66.0	9.7	13.5
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	42,150	147,732	22.5	1.3	1.6	5.2	151.6	10.0	8.7	1.7	1.4	20.1	15.1	18.2	17.6
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	25,900	9,698	11.4	-1.9	5.5	14.3	29.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	29,150	30,073	30.0	1.2	2.6	1.9	107.1	7.7	5.5	1.4	1.2	11.3	38.8	23.3	24.1
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	98,900	366,808	23.4	1.4	-3.0	3.2	40.1	17.3	14.1	3.1	2.6	27.8	23.2	20.6	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	101,800	334,873	22.2	2.9	0.1	1.9	51.7	10.9	9.1	2.9	2.2	11.9	20.7	31.0	28.2
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	132,000	446,481	14.4	5.7	6.2	24.6	38.9	61.2	52.4	4.8	4.3	27.6	16.7	8.1	10.4
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	131,800	69,042	19.2	0.0	-0.4	-2.4	20.8	63.8	22.6	4.2	3.4	1,441.4	182.7	5.2	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	100,000	208,996	55.9	0.2	-2.5	-2.2	20.5	19.5	17.9	6.1	5.6	7.4	9.4	34.5	35.1
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	49,000	120,283	23.4	3.8	5.5	10.1	162.7	10.0	8.4	1.9	1.5	15.0	19.0	20.4	19.9
CTCP Vincom Retail	VRE VN	35,300	80,213	30.5	0.9	2.3	1.9	48.3	28.3	22.1	2.6	2.3	19.1	28.1	9.3	11.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	20.79	4,617,571	1.7	1.3	6.0	65.2	15.7	12.8	2.5	2.2	24.1	22.4	17.6	18.2
Ô tô và phụ tùng	0.03	8,581	1.5	0.8	4.3	66.5	5.8	5.4	1.1	1.0	34.3	6.3	11.2	10.8
Ngân hàng	6.90	1,418,958	1.9	0.0	8.1	77.4	13.3	10.8	2.1	1.7	27.6	22.7	18.1	18.7
Xây dựng cơ bản	0.45	186,483	0.9	1.7	7.5	110.3	5.7	4.1	0.4	0.4	6.2	34.4	5.4	5.6
Dịch vụ thương mại	0.01	4,698	0.8	0.6	-0.4	42.3	6.6	5.2	NA	NA	31.9	26.2	11.1	12.9
May mặc và trang sức	0.08	43,122	0.8	2.0	14.9	213.8	13.6	11.2	2.7	2.2	29.4	23.6	17.7	17.5
Dịch vụ tiêu dùng	-0.03	9,603	-0.6	-1.5	2.3	58.5	13.2	4.5	NA	NA	NA	NA	3.6	9.3
Dịch vụ tài chính	0.40	68,839	2.3	2.5	7.3	169.8	11.0	5.2	NA	NA	7.4	7.1	9.1	4.4
Năng lượng	-0.04	87,967	-0.2	-0.1	-0.4	53.8	19.2	16.2	2.5	2.4	NA	18.1	14.2	14.9
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0.53	533,215	0.4	-0.4	0.1	41.0	21.6	16.5	4.6	4.0	43.3	22.1	22.5	23.7
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.01	986	4.4	-0.7	2.6	80.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.02	12,275	-0.6	-1.9	-4.5	2.9	7.2	6.3	1.8	NA	40.5	14.7	24.2	24.2
Bảo hiểm	0.01	53,087	0.1	-1.4	2.4	34.5	25.4	20.4	1.9	1.8	5.8	24.5	7.6	8.7
Nguyên vật liệu	1.47	397,630	1.5	2.1	3.4	193.7	13.6	13.5	1.8	1.0	30.6	3.9	16.6	15.1
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,971	-2.3	-8.7	-13.9	-19.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.05	34,900	0.3	0.2	4.1	17.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	10.89	1,189,745	-0.5	-0.6	-1.1	28.2	9.2	8.1	1.7	1.6	14.6	11.1	9.8	9.8
Bán lẻ	0.19	72,576	3.6	2.7	12.3	62.7	30.4	25.6	3.1	2.7	24.3	34.6	14.2	14.9
Phần mềm và dịch vụ	-0.01	68,720	1.0	0.2	2.8	86.9	12.0	9.6	2.8	2.4	38.0	25.5	25.0	25.2
Thiết bị và phần cứng	-0.03	5,104	0.0	3.0	7.2	101.0	15.3	13.0	3.3	2.9	25.7	18.0	22.9	24.1
Dịch vụ viễn thông	0.02	1,251	-1.9	-5.0	2.0	443.2	13.5	10.9	3.5	2.8	41.3	23.7	27.1	26.8
Vận tải	-0.05	178,136	7.0	6.3	9.0	328.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-0.15	260,906	-0.1	-1.0	2.2	44.6	27.7	10.7	5.1	4.1	NA	68.5	-20.1	10.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.